

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày: 02-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

1. Bùi Văn V, sinh năm 1992; Nơi sinh: tại An Giang; Nghề nghiệp: Không; Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; trình độ học vấn: 02/12; con ông Bùi Văn D, sinh năm 1976 và bà Phan Thị Mỹ C, sinh năm 1978; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người lớn nhất; bị cáo có chưa có vợ con.

Quá trình nhân thân:

Ngày 21/02/2012, Bùi Văn V bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 09/7/2013 chấp hành án xong.

Ngày 07/8/2014, Bùi Văn V bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, đến ngày 08/3/2017 chấp hành án xong.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 17/11/2023, Bùi Văn V bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, chưa nộp phạt.

- Bị cáo Bùi Văn V bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2024 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Cù Minh T, sinh năm 1996; Nơi sinh: tại An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Nơi cư trú: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Cù Minh T1, sinh năm 1971 và bà Lê Thị C1, sinh năm 1974; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người lớn nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1996 và 01 con tên Cù Minh L, sinh ngày 08/10/2016.

Quá trình nhân thân:

Ngày 25/6/2014, Cù Minh T bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, đến ngày 27/12/2014 chấp hành án xong.

Ngày 14/7/2015, Cù Minh T bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 30/3/2016 chấp hành án xong.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo Cù Minh T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2024 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, An Giang.

- Người làm chứng:

Anh Hà Duy K và ông Nguyễn Ngọc L2 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/02/2024, Cù Minh T điều khiển xe mô tô biển số: 67F9 - 0999 đến cầu C thuộc ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang gặp Bùi Văn V đang nằm võng dưới gầm cầu C, V rủ T đi trộm cắp xe mô tô thì T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số: 67F9 - 0999 chở V đến ngã tư chợ cũ C thuộc ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang, V thấy xe mô tô biển số: 67H3 - 1966 của Nguyễn Ngọc Lý D1 trên vỉa hè không có người trong giữ nên V rủ T lấy trộm xe, đồng thời V nói với T sau khi lấy trộm được xe thì T đưa cho V 400.000 đồng, còn xe mô tô lấy trộm

được T lấy sử dụng nên T đồng ý. T và V điều khiển xe mô tô biển số: 67F9 - 0999 của T cầm cố cho Hà Duy K được 400.000 đồng. Sau đó, V và T đi bộ đến chỗ dựng xe mô tô biển số: 67H3 - 1966 để lấy trộm, V đứng canh giới, T ngồi lên xe mô tô biển số: 67H3 - 1966 dùng chân trái đạp vào tay lái xe để bẻ khóa cổ xe lấy trộm, do không khởi động xe được nên T và V cùng nhau đẩy xe về nhà Trường cất giấu, do xe lấy trộm chưa khởi động được nên T chưa đưa 400.000 đồng cho V như đã thỏa thuận. Sau khi phát hiện bị mất xe, L1 đến Công an xã C trình báo.

* Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số: 67H3 - 1966, kiểu dáng Dream, màu nâu, hiệu Drum, số máy: LC150FMG01747451, số khung: DU100200100451 (thu giữ tại nhà Cù Minh T, đã trao trả xe cho bị hại).

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL.HĐ ngày 07/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô biển số: 67H3 - 1966, kiểu dáng Dream, màu nâu, hiệu Drum, loại xe nữ, dung tích xi lanh 97 cm³, số máy: LC150FMG01747451, số khung: DU100200100451, xe đã qua sử dụng, có giá trị là 3.530.000 đồng.

Ngày 08/02/2024, Bùi Văn V và Cù Minh T bị khởi tố để điều tra.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo V và T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Tại cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 22/5/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Bùi Văn V và Cù Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo V và T vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố, bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Ngọc L1 và những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và những tình tiết vụ án đã nêu. Bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định. Về trách nhiệm dân sự: đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường thêm.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung luận tội tại phiên tòa: Giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17 và Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Văn V và Cù Minh T mức án từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 06/02/2024).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Ngọc L1; những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ những vắng mặt. Xét thấy, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của những người làm chứng; vật chứng thu giữ do các bị cáo lấy trộm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Bùi Văn V và Cù Minh T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số: 67H3 - 1966, kiểu dáng Dream, màu nâu, hiệu Drum, loại xe nữ, dung tích xi lanh 97 cm³, số máy: LC150FMG01747451, số khung: DU100200100451, trị giá 3.530.000 đồng của Nguyễn Ngọc L1.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tài sản của công dân do công sức lao động và tích lũy trong quá trình sản xuất lao động của họ mới có được nên luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác bất hợp pháp, dưới bất kỳ hình thức nào đều phải bị xử lý nghiêm minh.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ mục đích của tội phạm là chiếm đoạt được tài sản, thể hiện sự xem thường pháp luật, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người

khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, bị Tòa án xử phạt tù nhiều lần, chấp hành xong, được xóa án tích, bản thân bị cáo V có 01 tiền sự về tội trộm cắp tài sản, lẽ ra sau nhiều lần được cải tạo, các bị cáo càng phải biết ăn năn hối cải, kiên quyết sửa lỗi, để trở thành công dân tốt, cố gắng lao động chân chính để tạo thu nhập vừa nuôi sống bản thân và phụ giúp cho gia đình. Ngược lại, với bản tính tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không cần tốn công sức, các bị cáo đã xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra, lại tiếp tục tái phạm. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới tương xứng tính chất và mức độ phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, nhằm mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích. Qua đó, cũng nhằm mục đích giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này đang diễn ra phổ biến tại địa phương.

Xét về đồng phạm khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ nên giữa các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, trước khi thực hiện có sự thương lượng, thống nhất thỏa thuận T sẽ trực tiếp thực hiện hành vi trộm, bị cáo V ở gần canh đường, cảnh giới để T trộm, thực hiện xong cùng tẩu thoát. Các bị cáo đã lợi dụng sự mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý tài sản để lén lút lấy trộm tài sản thành công và trốn lốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị hại đã nhận lại tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về vật chứng: bị hại đã nhận lại tài sản nên không đặt ra xem xét.

[6] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn V và Cù Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17 và Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 06/02/2024).

- Xử phạt: Bị cáo Cù Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 06/02/2024).

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Thơ

Nguyễn Thị Ngọc Kiều

Hà Thị Mỹ Linh

